

Giáo dục đại học: Chỉ có phát triển mới có chất lượng

Hoàng Mạnh Hiển*, Cao Văn Hiến*

*Giảng viên, Trường Sĩ quan Đặc Công

Received: 4/6/2024; Accepted: 13/6/2024; Published: 15/6/2024

Abstract: Higher education in the current context presents many issues that need attention. Most importantly, the quality of education must meet the demands of the current labor market. Particularly, there is an urgent need for high-quality human resources across all sectors and professions. Therefore, to ensure that graduates can find jobs that match their specialties, teaching and learning at universities must adapt to current practical needs. Achieving this requires various mechanisms and policies that allow universities to be autonomous and find their own direction. Only when higher education develops will the quality of human resources be assured.

Keywords: Higher education, development, quality, students, high-quality human resources, mechanisms, policies, autonomy.

1. Đặt vấn đề

Giáo dục đại học (GDĐH) đang trong trạng thái phát triển, giàu sức sống với một số lượng sinh viên (SV) tương đối ổn định, khoảng trên 500.000. Số lượng giảng viên tăng lên về số lượng, cải thiện về học hàm học vị một số trường vào top 1000 trường đại học thế giới. Tuy nhiên, vẫn chưa đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế tri thức, không có bứt phá trong sự phát triển GDĐH.

Số lượng các cơ sở đào tạo đại học gia tăng, quy mô tuyển sinh lớn, đa dạng các ngành nghề. Tuy nhiên nhiều cơ sở GDĐH chất lượng đào tạo chưa đảm bảo, chưa xây dựng được chuẩn đầu vào, đầu ra, chưa xây dựng được nội dung, chương trình giảng dạy; vẫn còn tình trạng “đem con bỏ chợ”, chạy theo hình thức, hư danh, quảng bá thương hiệu nhà trường sai với thực tế, đánh lừa tâm lý người học.

Một số trường đại học được xây dựng với quy mô lớn, được cấp phép đào tạo, tuyển sinh nhưng do thiếu tầm nhìn, thiếu đánh giá thị trường, nhu cầu của người học, thiếu bộ máy, cơ cấu tổ chức nên không thể tuyển sinh, trường bị bỏ hoang, gây lãng phí lớn.

Bài viết dưới đây sẽ đề cập về tình trạng GDĐH hiện nay cũng như đưa ra các giải pháp khắc phục để nâng cao chất lượng GDĐH, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Quy mô GDĐH tăng nhưng chất lượng giảm

Theo GS.TS Lê Anh Vinh Viện trưởng Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam: Năm 2022 cả nước có 239 cơ sở GDĐH (GDĐH) (172 cơ sở đào tạo công lập và 67 cơ sở đào tạo ngoài công lập), trong khi năm 2009 có 150 cơ sở GDĐH (106 cơ sở đào tạo công

lập, 44 cơ sở đào tạo ngoài công lập); năm 2015 có 214 cơ sở GDĐH (156 trường công lập và 58 cơ sở đào tạo ngoài công lập). Như vậy, số cơ sở GDĐH tăng dần trong những năm gần đây.

Mặc dù quy mô đào tạo của GDĐH đã tăng trở lại khá nhiều từ năm 2019 nhưng với 185 SV/ 1 vạn dân thì tỉ lệ SV/1 vạn dân của Việt Nam còn rất thấp so với khu vực.

Quy mô đào tạo trình độ thạc sĩ tăng từ 105.801 học viên năm 2016 lên 109.886 năm 2021, tăng bình quân gần 1%/năm và ngược lại, quy mô đào tạo trình độ tiến sĩ giảm từ 13.587 học viên xuống còn 11.700 học viên, giảm trung bình 2% năm. Việc đào tạo nhận lực ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước được đẩy mạnh với sự hợp tác đào tạo với hơn 40 quốc gia.

Tuy nhiên, trước sự vận động, phát triển không ngừng của khoa học công nghệ và tri thức nhân loại, đặc biệt là cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư, GDĐH còn bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập cả về quy mô, cơ cấu ngành nghề và kỹ năng làm việc. GS.TS Lê Anh Vinh, Viện trưởng Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam nhận định: GDĐH vẫn tụt hậu so với các nước trong khu vực và thế giới; phát triển chưa tương xứng với yêu cầu, nhiệm vụ và chưa đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân.

Đại hội XIII của Đảng cũng đã đưa nhận định: “Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội”. Vấn đề đặt ra hiện nay là, những hạn chế, yếu kém phải được nhận thức sâu sắc để từ đó tìm ra các giải pháp khắc phục nhằm đưa GDĐH Việt Nam lên một tầm cao mới.

2.2. Trường đại học là nền móng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao

Chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao đóng vai trò quyết định đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia. Trong bối cảnh cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ Tư đang diễn ra mạnh mẽ, thì việc xây dựng, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế ngày càng đặt ra cấp thiết hơn bao giờ hết.

Tuy nhiên, 225.000 cử nhân, kỹ sư, thạc sĩ tốt nghiệp ra trường nhưng chưa tìm được việc làm, hoặc chấp nhận làm không đúng nghề nghiệp được đào tạo năm 2020 là minh chứng rõ rệt cho thấy sự yếu kém về chất lượng GDĐH hiện nay. TS Thiều Huy Thuật và ThS. Nguyễn Thị Ngọc, Phân viện Học viện Hành chính Quốc gia khu vực Tây Nguyên đã có nghiên cứu chỉ ra những nguyên nhân dẫn đến chất lượng GDĐH còn chưa như kỳ vọng. Theo đó sự thiếu tương thích giữa chất lượng GDĐH với nhu cầu của thị trường lao động là những hạn chế trong việc đào tạo nguồn nhân lực.

Các trường đại học không chú trọng đào tạo kiến thức chuyên môn, kỹ năng mà doanh nghiệp, xã hội cần là lý do khiến đa số SV ra trường không đáp ứng được tiêu chuẩn tuyển dụng của doanh nghiệp, các tổ chức khác.

Chính vì thế, trong bối cảnh hiện nay việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là vô cùng quan trọng. TS Nguyễn Viết Bằng Trường ĐH Kinh tế TP.HCM cho rằng: SV tốt nghiệp phải có sự kết hợp giữa năng lực kỹ thuật và kỹ năng tổng quát như giao tiếp, giải quyết vấn đề và làm việc nhóm. Việc thu hẹp khoảng cách kỹ năng và nâng cao sự sẵn sàng làm việc của SV tốt nghiệp đại học là điều quan trọng để cải thiện khả năng làm việc sau khi tốt nghiệp của họ.

Bên cạnh đó, chương trình giảng dạy và phương pháp dạy học tại các trường đại học Việt Nam cũng cần phải có sự điều chỉnh cho phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động hiện nay.

GDĐH chính là nền móng quan trọng để đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. Đặc biệt, với quyết định số 146 ngày 28/1/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đặt ra mục tiêu đến năm 2025 “Hoàn thiện mô hình GDĐH số và thí điểm triển khai mô hình tại một số cơ sở GDĐH”.

Có thể nói, GDĐH số tạo cơ hội mở rộng các chương trình đào tạo ra phạm vi toàn hệ thống, thậm chí phạm vi toàn cầu và người hưởng lợi nhiều nhất là SV. Đề án có đặt ra mục tiêu, đến năm 2026, hình thành được mô hình GDĐH số với một nền tảng

công nghệ hoạt động hiệu quả, vận hành độc lập, khung pháp lý được hoàn thiện.

Dự kiến, từ năm 2025 sẽ có những khóa học đầu tiên được đưa vào giảng dạy để SV của 5 cơ sở GDĐH này, cũng như SV của các cơ sở GDĐH khác tham gia. Bộ GD&ĐT cũng sẽ tiếp tục chỉ đạo để hình thành thêm một đến hai nhóm cơ sở GDĐH để hợp tác, thí điểm triển khai mô hình cơ sở GDĐH số trong các lĩnh vực đào tạo trọng điểm khác. Đây chính là cơ sở vững chắc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, để SV ra trường không còn cảnh thất nghiệp hay trái ngành, trái nghề.

2.3. Những điểm “nghe” về pháp lý cần tháo gỡ để nâng cao chất lượng GDĐH

Chất lượng GDĐH về cơ bản được đo bằng người thầy giỏi. Do vậy, khi tỉ lệ GS, PGS không tăng mà SV tăng sẽ không đảm bảo được chất lượng đào tạo. Đồng thời, nguy cơ sẽ kéo tỉ lệ đào tạo tiến sĩ đi xuống. Bởi đào tạo tiến sĩ phụ thuộc vào quy mô, số lượng GS, PGS. Hiệu ứng này gây thiếu hụt các nhà khoa học đầu ngành, mất cân đối trong đào tạo.

Trong khi, thể chế, chính sách điều chỉnh lĩnh vực GDĐH còn có sự mâu thuẫn, thiếu thống nhất trong cách hiểu, vận dụng và hướng dẫn thi hành, đặc biệt là về thực hiện tự chủ đại học. Chính sách xã hội hoá giáo dục chưa thực sự thu hút được nhiều các thành phần xã hội tham gia. Công tác nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế còn chưa tương xứng với tiềm năng. Hệ thống bảo đảm và kiểm định chất lượng GDĐH chưa được hoàn thiện....

Những “điểm nghe” thể chế này sẽ tác động đến sự phát triển của GDĐH. Đặc biệt, tự chủ đại học là một phần của quá trình đổi mới GDĐH nhưng cơ chế mới, phức tạp, cần đồng bộ của nhiều yếu tố, nhiều khâu, nhiều hoạt động. Do đó, trong quá trình triển khai vẫn có những vướng mắc, còn bộc lộ những hạn chế, khó khăn là điều khó tránh khỏi.

Hiện nay, nước ta đã từng bước tăng cường quyền tự chủ của các trường đại học. Đến hết năm 2017, có 23 trường công lập được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án cho phép thí điểm cơ chế tự chủ và cũng cho phép 23 trường này được kéo dài thí điểm sau giai đoạn 2014 - 2017, cho tới khi có nghị định mới của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của cơ sở GDĐH công lập.

Tính đến tháng 8.2022, cả nước có 154/170 cơ sở GDĐH công lập đã thành lập Hội đồng trường và đi vào hoạt động (đạt tỷ lệ 90,6%). GS.TS Lê Anh Vinh cho biết, tuy còn một số khó khăn trong nội bộ tổ chức của một đơn vị trong một mô hình mới, cũng như những tồn tại, chồng chéo chưa được

lường trước và giải quyết trong các văn bản pháp luật, Chính phủ đã ghi nhận những thành công nhất định của tự chủ đại học như: nâng cao năng lực giảng viên và thu hút, đào tạo nhân tài; phát huy năng lực nghiên cứu khoa học, công bố quốc tế; và đổi mới cơ chế quản trị đại học.

3. Kết luận

GDDH là bậc học quan trọng trong hệ thống giáo dục quốc dân nhằm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Để nâng cao chất lượng GDDH cần thực hiện nhiều giải pháp, trong đó đổi mới về cơ chế, chính sách, về năng lực quản trị, điều hành. Quan trọng nhất là phải có sự vào cuộc của các ngành, các cấp, của cả xã hội. Phải có những giải pháp mang tính toàn diện nhưng không thể không có những quyết sách mang tính đột phá, có trọng điểm và kiên trì thực hiện đến cùng mới có

thể đem lại những chuyển biến thực sự tích cực cho chất lượng GDDH.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Nhật Hồng (2023), *Những con số phát triển của GDDH Việt Nam*” báo Daibieunhandan.vn, ngày 01/11/2023.
- [2]. Nhật Hồng (2023), *Điểm huyệt yếu kém và hạn chế của GDDH Việt Nam*, báo Daibieunhandan.vn, ngày 02/11/2023.
- [3]. Nguyễn Huy Phòng (2023), *Nâng cao chất lượng GDDH ở nước ta hiện nay*, *Tạp chí Tuyên giáo.vn* ngày 20/3/2023.
- [4]. Khôi Nguyên (2023), *GDDH Việt Nam cần bứt phá*, trang web vov2.vn, ngày 6/11/2023
- [5]. Nguyễn Liên (2023), *Phát triển GDDH là một bài toán khó, phức tạp, lâu dài*, báo Daibieunhandan.vn, ngày 16/8/2023.

Dạy học đọc hiểu văn bản đa phương tiện... (tiếp theo trang 291)

tạo lập những VB ĐPT tương tự như tìm kiếm hình ảnh minh họa cho một chủ đề, vẽ sơ đồ minh họa cho nội dung được thể hiện trong VB, viết VB để trình bày, giới thiệu về một vấn đề...

Ví dụ: VB 3: *Pa – ra – lim – pích (Paralympich): một lịch sử chữa lành những vết thương - Huy Đăng* (Trong bài 8: Cấu trúc của VB thông tin), (Ngữ văn 11, tập 2, Kết nối tri thức với cuộc sống, trang 75-78), GV có thể xây dựng câu hỏi ở các mức độ sau:

- Nhận biết: Xác định các thông tin cơ bản mà người viết muốn thể hiện trong VB? Chỉ ra các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ trong VB?

- Thông hiểu: Phân tích tác dụng của các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ trong việc thể hiện nội dung thông tin của VB? Các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ đã hỗ trợ và làm sinh động hoá yếu tố ngôn ngữ trong VB như thế nào?

- Vận dụng: VB trên giúp em hiểu thêm gì về nỗi đau nói chung? Ta có thể ứng xử như thế nào với nỗi đau và những khiếm khuyết trên cơ thể của mình và người khác? Hãy viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) về khả năng chữa lành của thể thao.

3. Kết luận

Song hành với sự đổi mới và phát triển của xã hội ngày nay, VB ĐPT là một loại hình VB thiết thực, có tính ứng dụng cao. Giao tiếp bằng VB ĐPT vì lẽ đó cũng trở thành một điều dễ bắt gặp trong đời sống. Vì lẽ đó, sự xuất hiện trong chương trình học tập của HS là điều cần thiết để hướng dẫn HS tiếp cận đúng,

biết cách sử dụng và thiết lập loại VB này. Trước mục tiêu này, bản thân GV phải là người tìm tòi để ứng dụng những biện pháp thích hợp để dạy học đọc hiểu VB ĐPT một cách hiệu quả. Trong bài báo, chúng tôi đang khoanh vùng chương trình Ngữ văn 11, mong rằng đây cũng sẽ là những gợi mở để GV tiếp tục tìm tòi để hướng đến hình thành năng lực đọc hiểu VB ĐPT tới HS.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn*.
- [2] Đỗ Ngọc Thống (2016) *Phát triển năng lực đọc, viết cho HS phổ thông – trách nhiệm chung của các môn học và phương hướng đào tạo GV*, *Tạp chí khoa học giáo dục Việt Nam*, Số 130, tháng 6.
- [3] Đỗ Ngọc Thống, Bùi Minh Đức, Nguyễn Thành Thi (2019), *Hướng dẫn dạy học môn Ngữ văn Trung học phổ thông theo chương trình giáo dục phổ thông 2018*, Nxb Đại học Sư phạm.
- [4] Lê Thị Minh Nguyệt (2017), *Dạy học VB ĐPT nhằm phát triển năng lực giao tiếp của HS ở nhà trường phổ thông*, *Tạp chí Giáo chức Việt nam*, số 199.
- [5] Nguyễn Thế Hưng. (2018). *yếu tố hình ảnh trong VB ĐPT*. *Tạp chí khoa học. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*.Số 63, tháng 12.
- [6] Phạm Thị Thanh Phương (2021), *Dạy học tạo lập VB ĐPT theo chương trình Ngữ văn 2018*. *Tạp chí khoa học giáo dục Việt Nam*. Số 47. Tháng 11